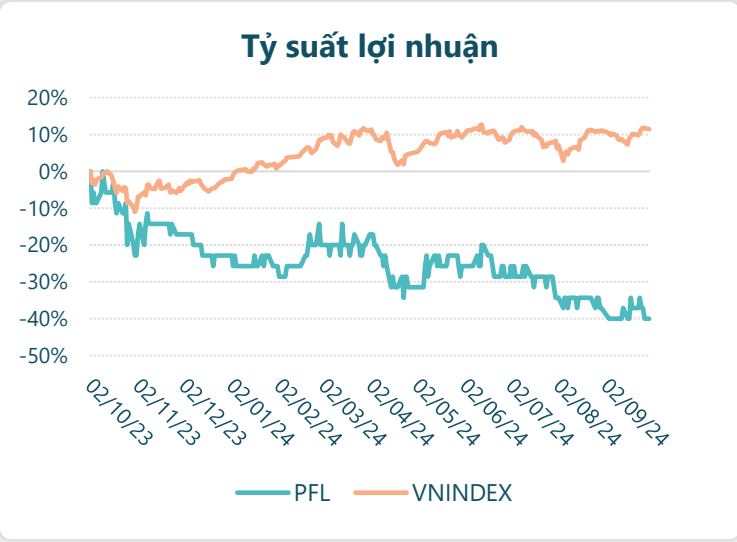


Ngày	2,100 VNĐ		
30/09/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-4.5%	-16.0%	-27.6%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	2,100 - 3,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	105
Số lượng CPLH (CP)	50,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	81,845
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	1.42
EPS	-35
P/E	-60.0



Doanh thu thuần
Q3/24

11.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.13 | 37.3%

YoY: ▲ 3.73 | 47.9%

Nợ/VCSH
Q3/24

43.7%

YoY: +/- ▼ 0.6%

LN gộp
Q3/24

2.65

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 4.09 | 284%

YoY: ▲ 2.38 | 882%

ROE (TTM)
Q3/24

-0.8%

YoY: +/- ▲ 0.3%

LN trước thuế
Q3/24

0.05

tỷ VNĐ

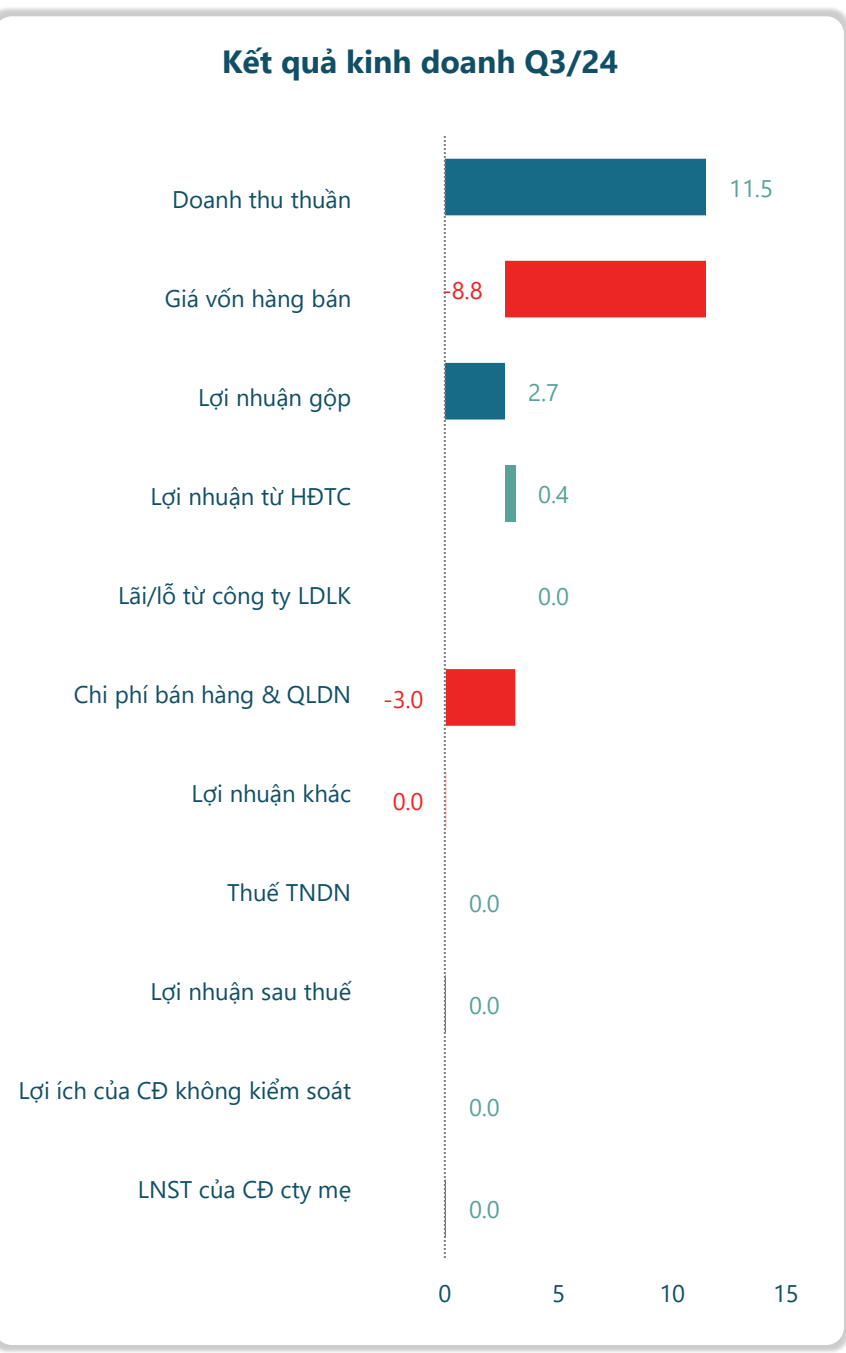
QoQ: ▼ 1.55 | -97.1%

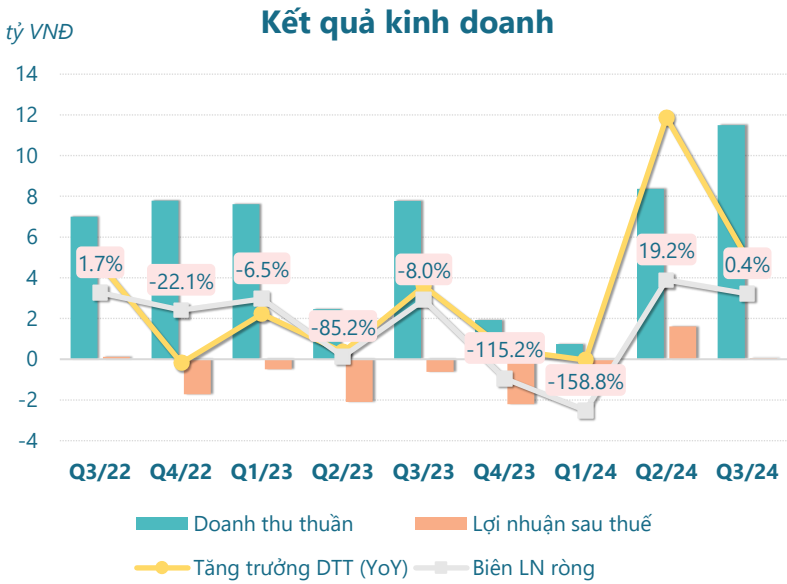
YoY: ▲ 0.67 | 108%

ROA (TTM)
Q3/24

-0.6%

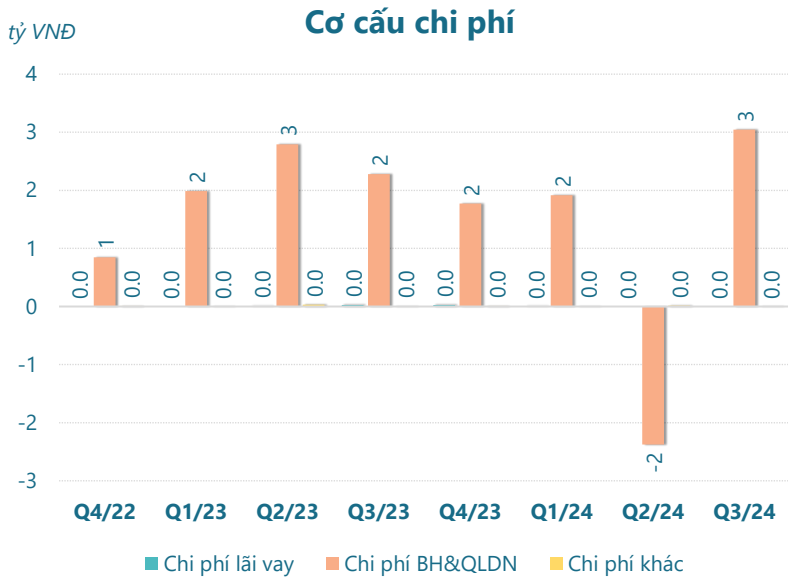
YoY: +/- ▲ 0.2%





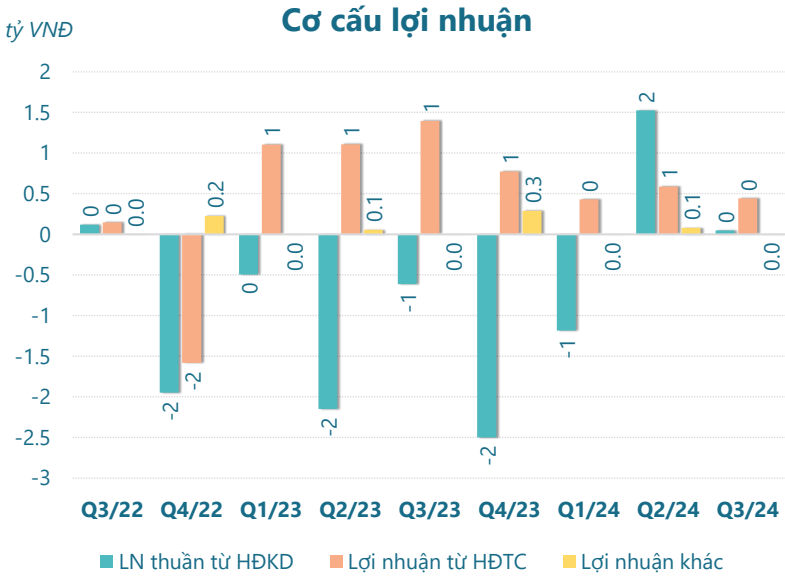
Tại quý III năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 0.05 tỷ đồng**, giảm đi 96.7% so với kỳ trước và tăng thêm 0.66 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lãi 0.44 tỷ đồng**, giảm đi 25.4% so với kỳ trước và thấp hơn 68.6% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **bằng 0** giảm đi 100.0% so với kỳ trước và bằng so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **PFL** quý III năm 2024, doanh thu thuần đạt **11.49 tỷ đồng** tăng thêm **47.9%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 0.05 tỷ đồng, tăng thêm 0.67 tỷ đồng** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **21.00 tỷ đồng** cao hơn 16.7% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế bằng 0 tăng thêm 3.00 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.



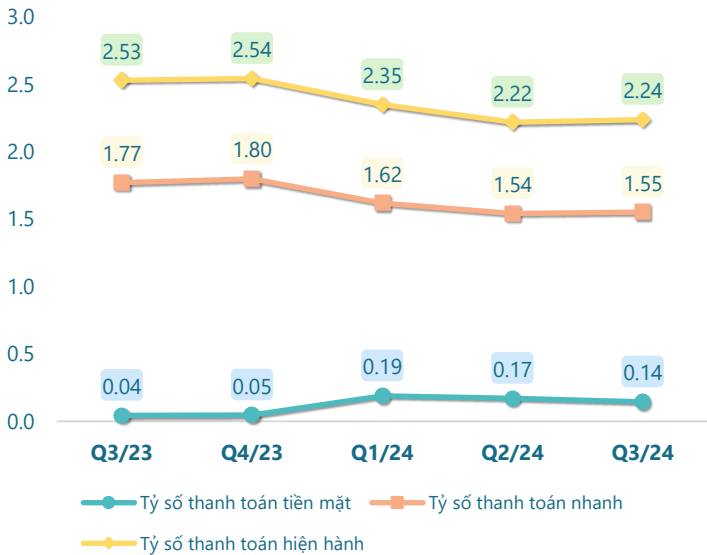
Tại quý III, chi phí lãi vay bằng **0.00 tỷ đồng** không đổi so với kỳ trước và thấp hơn 100.0% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **3.05 tỷ đồng** tăng thêm 5.42 tỷ đồng so với kỳ trước và cao hơn 33.8% so với cùng kỳ năm trước.

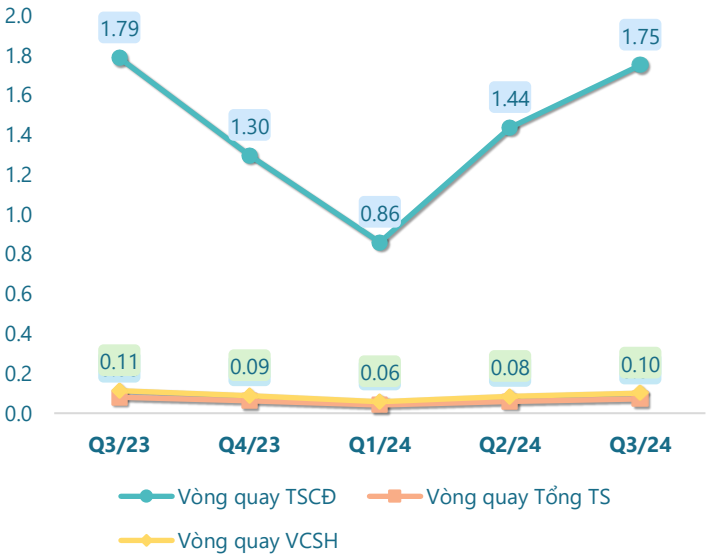
Chi phí khác bằng **0.00 tỷ đồng** giảm đi 100.0% so với kỳ trước và bằng so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q2/24	Thay đổi QoQ	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	11.5	8.37	37.3%	7.77	47.9%	20.6	17.8	15.5%
Giá vốn hàng bán	8.84	9.80	-9.8%	7.49	18.0%	19.1	17.6	8.2%
Lợi nhuận gộp	2.65	-1.44	284%	0.27	882%	1.51	0.20	671%
Doanh thu HĐTC	0.44	0.57	-22.2%	1.42	-68.8%	1.45	3.64	-60.1%
Chi phí TC	0	-0.01	100%	0.03	-100%	-0.01	0.03	-136%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0.03	-100%	0.00	0.03	-94.6%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.54	0.01	5279%	0.03	1693%	0.56	0.16	247%
Chi phí QLDN	2.51	-2.39	205%	2.25	11.4%	2.03	6.90	-70.6%
LN thuần từ HĐKD	0.05	1.52	-96.8%	-0.61	108%	0.39	-3.26	112%
Lợi nhuận khác	0.00	0.08	-102%	0.00		0.07	0.05	41.1%
LN trước thuế	0.05	1.60	-97.1%	-0.62	108%	0.46	-3.20	114%
Lợi nhuận sau thuế	0.05	1.60	-97.1%	-0.62	108%	0.46	-3.20	114%
LNST của CĐ cty mẹ	0.05	1.60	-97.1%	-0.62	108%	0.46	-3.20	114%

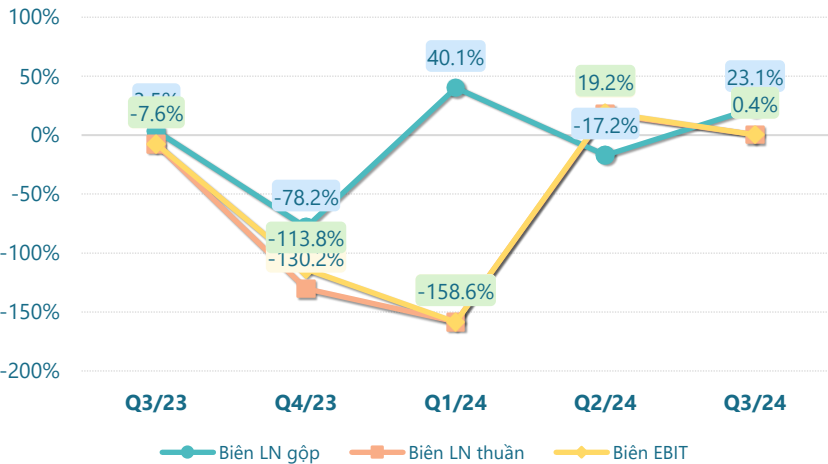
Chỉ số thanh khoản



Vòng quay tài sản



Biên lợi nhuận



Tỷ suất sinh lợi

